TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2019/HNGĐ-ST
Ngày 02-8-2019
V/v ly hôn, con chung giữa
chị H và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Bùi Văn Bình.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Xuyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thúy H, sinh năm 1973; ĐKHKTT: Xóm 2, xã HL, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

Nơi ở hiện nay: Xóm 19, xã HT, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1970; ĐKHKTT: Xóm 2, xã HL, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

Nơi ở hiện nay: Xóm 19, xã HT, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Cháu Nguyễn Đức Anh, sinh năm 1998; Cháu Nguyễn Thị Thúy Nga, sinh năm 2002. Đều có ĐKHKTT: Xóm 2, xã HL, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Nơi ở hiện nay: Xóm 19, xã HT, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Chị Hà, cháu Anh, cháu Nga vắng mặt có lý do; anh T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 11-7-2019, bản tự khai ngày 16-7-2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thúy H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thúy H và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 12-3-1997 tại Ủy ban nhân dân phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại T phố Biên Hòa, đến năm 1999 thì vợ chồng cùng nhau ra Bắc làm ăn. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do mẹ và chị gái của anh T đã xúi giục chị Hà theo đạo Bác Hồ nhưng chị H quyết tâm không tin theo nên vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, xô xát vì anh T quyết tâm theo đạo này, không chịu làm ăn kinh tế lo cho gia đình và chị H không thể khuyên giải được. Do đó, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau từ năm 2014 cho đến nay. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Đức Anh, sinh ngày 18-9-1998 và Nguyễn Thị Thúy Nga, sinh ngày 09-01-2002. Cháu Đức Anh hiện đang là sinh viên Đại học năm thứ ba, chị H vẫn thường xuyên chu cấp cho cháu Đức Anh ăn học đầy đủ, cháu Nga hiện là học sinh cấp ba và đang ở với chị H. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Nga và chu cấp cho cháu Đức Anh ăn học hết Đại học và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản gồm: Một nhà mái bằng và các công trình phụ xây trên đất liền nhà, và một thổ đất diện tích 95m^2 tại thửa số 236, tờ bản đồ số 24 tại xóm 19 xã HT đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri W834619, ngày 28-4-2004 mang tên hộ ông Nguyễn Văn T. Hai bên anh T và chị H thống nhất thỏa thuận để lại cho hai con chung là Nguyễn Đức Anh và Nguyễn Thị Thúy Nga. Tuy nhiên, hiện nay cháu Nga chưa T niên, cháu Đức Anh đang còn đi học nên chị H, anh T đều thống nhất tạm giao tài sản nhà đất trên cho anh T quản lý, sử dụng đến khi cháu Nguyễn Đức Anh và cháu Nguyễn Thị Thúy Nga có nhu cầu sử dụng thì Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ bàn giao nhà đất trên cho cháu Nguyễn Đức Anh và Nguyễn Thị Thúy Nga và các con chung sẽ tự có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng nhà đất trên theo quyết định của bản án ghi nhận sự thỏa thuận phân chia về phần tài sản của các đương sự.

Về công nợ: Vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16-7-2019, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn T có lời khai phù hợp với lời khai của chị H về thời gian vợ chồng kết hôn, quá trình kết hôn, chung sống, thời gian sống ly thân. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do anh T có thay đổi cách thờ cúng, thay đổi tín ngưỡng tôn giáo, chị H không nhất trí nên vợ chồng đã xảy ra nhiều xích mích, tranh cãi. Nay chị H

làm đơn xin ly hôn, anh T nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị nên anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh T có lời khai thống nhất với chị H về hai con chung. Đến nay hai con chung đã lớn và đều có nguyện vọng ở với chị H, chị H không yêu cầu anh phải cấp dưỡng tiền nuôi con thì anh cũng nhất trí, không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Anh T không nhất trí ly hôn chị H, tuy nhiên trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh và chị Hà không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản mà tự thống nhất thỏa thuận để lại toàn bộ tài sản chung của vợ chồng cho hai con là Nguyễn Đức Anh và Nguyễn Thị Thúy Nga. Anh T đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận về tài sản chung đúng như ý kiến trình bày ở trên của chị Hà.

Về công nợ: Anh T có lời khai thống nhất với lời khai của chị H về công nợ nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thúy H, cháu Nguyễn Đức Anh và Nguyễn Thị Thúy Nga là nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, cháu Đức Anh và cháu Thúy Nga là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thúy H và anh Nguyễn Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đăng ký kết hôn ngày 12-3-1997. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thành phố Biên Hòa, đến năm 1999 thì cùng nhau ra Bắc làm ăn. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2014 thì phát sinh mẫu thuẫn, nguyên nhân là do anh T đã thay đổi quan điểm cách thờ cúng gia tiên, chị H không thể khuyên giải được nên vợ chồng đã bất đồng về quan điểm sống, quan điểm về tín ngưỡng tôn giáo dẫn đến tình trạng vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, va chạm. Vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau từ năm 2014 cho đến nay. Do đó, chị H đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh T.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H: chị H và anh T có quan điểm trái ngược nhau trong quan điểm sống , tính tình không hợp nên từ năm 2014 đến nay vợ chồng đã không thể chung sống hòa hợp, mỗi người sống một cuộc sống khác biệt. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T là trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị Hà đối với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung:* Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Đức Anh, sinh ngày 18-9-1998 và Nguyễn Thị Thúy Nga, sinh ngày 09-01-2002. Khi ly hôn, chị Hà đề nghị được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T nhất trí với đề nghị của chị H do các con đã lớn, đều có nguyện vọng được chị H nuôi dưỡng và chu cấp cho ăn học.

[5] Xét điều kiện hoàn cảnh của chị H và anh T hiện nay và nguyện vọng của các con thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, chị H vẫn trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nga, và chu cấp cho cháu Đức Anh ăn học Đại học. Hiện chị H đang làm công nhân có mức thu nhập. Anh T không có việc làm thu nhập ổn định.

[6] Từ những phân tích trên, cần tiếp tục giao hai con chung là Nguyễn Đức Anh và Nguyễn Thị Thúy Nga cho chị Hà tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, lo chu cấp ăn học đến khi các con chung thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh T được quyền thăm nom các con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền thăm con nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Do chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] *Về tài sản chung:* Về tài sản chung và công nợ: Chị Bùi Thúy H và anh Nguyễn Văn T trình bày có tài sản chung là nhà đất, các tài sản trên đất. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự tự thỏa thuận thống nhất để lại tài sản chung của vợ chồng cho hai con chung được quyền sở hữu, sử dụng đề nghị Tòa án ghi trong bản án để thuận lợi cho việc sở hữu, sử dụng sau này cụ thể:

Cháu Nguyễn Đức Anh và cháu Nguyễn Thị Thúy Nga được quyền sở hữu một nhà mái bằng và công trình phụ xây liền trên đất và được quyền sử dụng thổ đất diện tích 95 m^2, tại thửa số 236, tờ bản đồ số 24, đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri W834619, ngày 28-4-2004 mang tên hộ ông Nguyễn Văn T. Tuy nhiên, hiện nay cháu Nga chưa T niên, cháu Đức Anh đang còn đi học nên chị Hà, anh T đều thống nhất tạm giao tài sản nhà đất trên cho anh T quản lý, sử dụng đến khi cháu Nguyễn Đức Anh và Nguyễn Thị Thúy Nga có nhu cầu sử dụng thì anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ bàn giao nhà đất trên cho các con chung và các con chung sẽ tự có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng nhà đất trên theo quyết định ghi nhận sự thỏa thuận về phần tài sản của Tòa án. Hội đồng xét

xử xét thấy, sự thỏa thuận của chị H và anh T là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, hai con chung cũng nhất trí nhận tài sản mà bố mẹ cho. Do đó, cần ghi nhận sự thỏa thuận của chị H và anh T về tài sản chung là phù hợp với Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

[8] *Về công nợ*: Chị H và anh T xác nhận vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Bùi Thúy H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thúy H và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức Anh, sinh ngày 18-9-1998 và Nguyễn Thị Thúy Nga, sinh ngày 09-01-2002 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, chu cấp cho ăn học đến khi các con chung T niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Hà và được quyền thăm nom các con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền thăm con nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung: Cháu Nguyễn Đức Anh và cháu Nguyễn Thị Thúy Nga được quyền sở hữu một nhà mái bằng và công trình phụ xây liền và được quyền sử dụng thổ đất tại xóm 19 xã HT, huyện Hải Hậu có diện tích 95 m^2, tại thửa số 236, tờ bản đồ số 24, đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri W834619, ngày 28-4-2004 mang tên hộ ông Nguyễn Văn T. Tuy nhiên, hiện nay cháu Nga chưa T niên, cháu Đức Anh đang còn đi học nên chị Hà, anh T đều thống nhất tạm giao tài sản nhà đất trên cho anh T quản lý, sử dụng đến khi cháu Nguyễn Đức Anh và Nguyễn Thị Thúy Nga có nhu cầu sử dụng thì anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ bàn giao nhà đất trên cho các con chung và các con chung sẽ tự có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng nhà đất trên theo quyết định ghi nhận sự thỏa thuận về phần tài sản của Tòa án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Buộc chị Bùi Thúy H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0000511 ngày 16-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị Hà đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Hà và anh T đã tự thỏa thuận để lại tài sản chung cho hai con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải nộp án phí chia tài sản.

4. Quyền kháng cáo: Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã HL;
- UBND phường B;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hằng